



MACRO VIEW

KINH TẾ VĨ MÔ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

SỐ 6.2026

MỤC LỤC

Kinh tế thế giới.....	4
Kinh tế Việt Nam.....	5

Ấn phẩm dành riêng cho khách hàng BIDV Private Banking

NỘI DUNG

Kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2026 phân hóa rõ nét dưới tác động kép của chiến sự Trung Đông và bất định thuế quan Mỹ. Mỹ duy trì sản xuất mở rộng nhưng lạm phát leo lên 4,2% (cao nhất 3 năm), Fed giữ lãi suất 3,5 - 3,75%; Trung Quốc phục hồi nhẹ nhờ xuất khẩu công nghệ AI song áp lực giảm phát quay lại; Eurozone vẫn trì trệ. Căng thẳng Trung Đông tạm lắng cuối quý II giúp giá dầu Brent hạ về 72 - 75 USD/thùng, trong khi Mỹ chuyển sang cấu trúc thuế quan có mục tiêu hơn theo Mục 301, 232 và điều tra xuất xứ. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 được dự báo giảm còn 2,5% (World Bank, T6/2026), lạm phát tăng trở lại 4,0 - 4,4%.

Kinh tế Việt Nam 6T/2026 ghi nhận nhiều điểm sáng: GDP tăng 8,18% - cao nhất cùng kỳ 16 năm; các động lực tăng trưởng phía cung và cầu khá đồng đều; thu ngân sách, doanh nghiệp thành lập mới và tín dụng đều tăng tích cực; tỷ giá ổn định. Tuy nhiên, lạm phát tiệm cận ngưỡng mục tiêu, lãi suất neo cao, cán cân thương mại nhập siêu, tiêu dùng thực tế chưa hồi phục về mức trước dịch, giải ngân đầu tư công còn chậm và một số địa phương tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 27/6/2026, cập nhật kịch bản tăng trưởng và các giải pháp trọng tâm nhằm phấn đấu đạt mục tiêu GDP cả năm 2026 từ 10% trở lên, gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu KTVM 6 tháng năm 2023-2026, dự báo 2026

Các chỉ tiêu	6T/2023	6T/2024	6T/2025	6T/2026	DB 2026 (KB cơ sở)
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	3,91	6,64	7,63	8,18	9 - 9,2
CPI bình quân (% , yoy)	3,29	4,08	3,27	4,38	4,3 - 4,6
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	-1,2	9,0	9,2	10,8	12 - 15
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	2.886,9 (+12,8%)	3.148,0 (+9%)	3.443,9 (+9,4%)	3.889,5 (+12,9%)	7.700 - 7.850 (+10→12%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	166,0 (-11,3%)	192,1 (+15,7%)	220,2 (+14,6%)	266,5 (+21%)	537-548 (+10→12%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	152,5 (-18,0%)	179,0 (+18,0%)	1.212,2 (+17,9%)	283,1 (+33,4%)	535-545 (+17→19%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	13,5	12,1	8,0	-16,6	0 - 103
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	13,43 (-4,3%)	16,23 (+20,8%)	21,52 (+32,6%)	34,6 (+61%)	46 - 48 (+15→17%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	10,02 (+0,5%)	10,84 (+8,2%)	11,72 (+8,1%)	13 (+11,2%)	30,5 - 31 (+10→12%)
Tăng trưởng tín dụng (%)	4,73	6,1	9,91	7,7	15 - 16
Biến động tỷ giá (USD/VND YTD, %)	-0,2	4,9	2,5	0,05	1 - 1,5
Số DN thành lập mới	75,9 (-0,5%)	80,6 (+6,1%)	91,2 (+13,3%)	111,7 (+22,5%)	226,3 (+16%)
Số DN quay trở lại hoạt động	37,7 (-7,4%)	39,1 (+3,7%)	61,5 (+57,3%)	58,2 (-5,4%)	143,2 (+40%)
Số DN tạm ngừng hoạt động	60,2 (+18,2%)	71,4 (+18,6%)	80,8 (+13,2%)	85,9 (+6,3%)	126 (+10%)
Số DN hoàn tất giải thể	8,8 (+2,8%)	10 (+14,8%)	12,3 (+21,8%)	24 (+95,1%)	41,2 (+15%)

(*) Số DN đơn vị: Nghìn doanh nghiệp;

Nguồn: Cục Thống kê, dự báo của Viện Nghiên cứu Kinh tế BIDV.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Xung đột Trung Đông kéo dài tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và thương mại quốc tế; lạm phát toàn cầu tăng trở lại, dư địa chính sách tài khóa thu hẹp. Các tổ chức quốc tế hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2026 xuống 2,5% (KB cơ sở WB, T6/2026); lạm phát 4,0-4,4%; thương mại quốc tế tăng 2,4-3,1%. Mỹ vẫn mở rộng sản xuất (PMI sản xuất T6: 53,9 điểm, mở rộng tháng thứ 11 liên tiếp) song lạm phát leo lên 4,2% - cao nhất 3 năm, chủ yếu do năng lượng tăng 23,5% (chiếm hơn 60% mức tăng CPI). CPI lõi chỉ tăng 2,9% YoY cho thấy áp lực lan tỏa hạn chế. Fed giữ nguyên lãi suất 3,5-3,75%, thị trường không kỳ vọng cắt giảm trong năm nay. Eurozone vẫn co hẹp: PMI dịch vụ T6 ở mức 48,9 điểm, PMI sản xuất giảm nhẹ về 51,3 điểm; ECB giữ lãi suất cơ bản 2%. Trung Quốc phục hồi nhẹ nhờ xuất khẩu chip và thiết bị AI (PMI công nghệ cao đạt 53,5 điểm), song áp lực giảm phát quay lại khi chỉ số giá thành phẩm giảm mạnh, bất động sản và xây dựng vẫn co hẹp. NHTW Trung Quốc giữ nguyên lãi suất tháng thứ 13 liên tiếp, ưu tiên ổn định tỷ giá. Về thương mại, Mỹ chuyển từ thuế quan diện rộng sang cấu trúc có mục tiêu hơn theo Mục 301 (thuế suất 10-12,5% cho khoảng 60 nền kinh tế), Mục 232 (thuế theo mặt hàng vì an ninh quốc gia) và điều tra trung chuyển, xuất xứ. Cấu trúc mới giúp Mỹ duy trì đòn bẩy thương mại dài hạn hơn nhưng không thay đổi nhiều tương quan cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam. Khu vực ASEAN: WB (T6/2026) và AMRO (T4/2026) dự báo Việt Nam tăng trưởng cao nhất khu vực năm 2026 (6,8-7,4%), phản ánh sức chống chịu và khả năng thích ứng tốt hơn kỳ vọng quốc tế.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế thế giới, 2021-2025, dự báo 2026-2027 (% YoY)

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	DB 2026	DB 2027
Tăng trưởng kinh tế							
Toàn cầu	5,9	3,3	2,8	2,9	2,9	2,5	2,8
Mỹ	5,9	2,5	2,9	2,8	2,1	2,2	2,1
Eurozone	5,3	3,5	0,5	1,0	1,4	0,8	1,3
Trung Quốc	8,1	3,1	5,4	5,0	5,0	4,2	4,3
<i>Các nền kinh tế phát triển</i>	5,3	2,9	1,6	1,8	1,8	1,5	1,8
<i>EMDEs (các nền kinh tế mới nổi & đang phát triển)</i>	6,7	3,8	4,3	4,4	4,4	3,6	4,2
Lạm phát (CPI)							
Toàn cầu	4,7	8,7	6,7	5,8	4,1	4,0 - 4,4	3,6 - 3,7
<i>Các nước phát triển</i>	3,1	7,3	4,6	2,6	2,5	2,9	2,0
<i>EMDEs</i>	5,9	9,7	8,2	8,0	4,2	4,6	3,7
Mỹ	4,7	8,0	4,1	3,0	2,7	3,2	2,1
Eurozone	2,6	8,4	5,4	2,4	2,1	2,6	2,2
Trung Quốc	0,9	2,0	0,2	0,2	0,0	1,2	1,5
Tăng trưởng thương mại thế giới							
Toàn cầu (KL hàng hóa & dịch vụ)	10,8	5,9	0,4	3,8	4,8	2,9	3,3
Toàn cầu (khối lượng hàng hóa)	10,6	5,9	-0,8	2,8	5,4	2,4	3,9

Nguồn: Viện NCKT BIDV tổng hợp từ WB (tháng 6/2026, IMF, ADB và OECD (tháng 5/2026)

KINH TẾ VIỆT NAM

Kết quả tích cực song thách thức vẫn tiềm ẩn, đan xen:

Các điểm tích cực:

(1) Động lực tăng trưởng phục hồi khá đồng đều: GDP quý II và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt tăng 8,39% và 8,18% so với cùng kỳ, là mức cao nhất trong 16 năm.

Về phía cung, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 45,2% mức tăng GDP; trong đó chế biến, chế tạo tăng 10,23%, xây dựng tăng 9,51% nhờ đầu tư công và phát triển hạ tầng. IIP 6T/2026 tăng 10,8% YoY, cao nhất 8 năm; PMI sản xuất tháng 6 đạt 51,8 điểm, duy trì mở rộng tháng thứ 12 liên tiếp. Khu vực dịch vụ tăng 8,09%, tiếp tục đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng nhờ thương mại, vận tải, du lịch, lưu trú - ăn uống và tài chính - ngân hàng; khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng trưởng khá 3,87%, tiếp tục phát huy vai trò trụ đỡ trong an ninh lương thực, tiêu dùng, xuất khẩu.

Về phía cầu, tiêu dùng cuối cùng tăng 8,15% YoY, cao nhất trong 8 năm, đóng góp 67,9% mức tăng GDP; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 12,9%, khách quốc tế đạt kỷ lục 12,3 triệu lượt (+14,9% YoY). Tích lũy tài sản tăng 15,2%, đóng góp 60,2% mức tăng trưởng; vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,9%. FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD (+61% YoY) và FDI giải ngân đạt 13,03 tỷ USD (+11,2% YoY), cho thấy niềm tin đầu tư tiếp tục được củng cố.

(2) Thị trường ngoại hối cơ bản ổn định, tín dụng tăng tích cực: thị trường ngoại hối Việt Nam 6 tháng đầu năm giữ được trạng thái tương đối ổn định, nhờ: (i) cân đối ngoại tệ được hỗ trợ bởi chênh lệch lãi suất VND-USD ở mức khá cao; (ii) giá vàng giảm, góp phần giảm tình trạng buôn lậu vàng; (iii) dòng vốn FDI giải ngân và du lịch quốc tế tăng tích cực. Đến cuối tháng 6/2026, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng khá ổn định (chỉ tăng 0,05% so với cuối năm 2025); tỷ giá thị trường tự do và tỷ giá liên ngân hàng chênh lệch không đáng kể (chỉ khoảng 410 điểm cuối tháng 6/2026).

Tín dụng 6T/2026 ước tăng 7,7%, cao hơn cùng kỳ giai đoạn 2021-2024 và hướng nhiều hơn vào SXKD, các lĩnh vực ưu tiên thay vì BĐS đầu tư, đầu cơ. Chất lượng tín dụng cơ bản được kiểm soát, song nợ xấu tăng nhẹ lên khoảng 1,55% từ mức 1,45% cuối năm 2025, cho thấy áp lực nợ xấu vẫn cần được lưu ý.

(3) DN gia nhập thị trường duy trì đà tăng, niềm tin kinh doanh cải thiện: trong 6T/2026, 170 nghìn DN gia nhập thị trường (+11,2% YoY), vốn bổ sung vào nền kinh tế đạt 3,1 triệu tỷ đồng (+11,3%); vốn đăng ký bình quân/DN thành lập mới tăng mạnh 34,5% YoY, phản ánh tác động tích cực từ Nghị quyết 68-NQ/TW và niềm tin kinh doanh cải thiện. Có 83,4% DN đánh giá tình hình kinh doanh quý III/2026 tốt lên hoặc ổn định, trong đó khu vực FDI lạc quan nhất với 85,2%.

KINH TẾ VIỆT NAM

(4) Thu NSNN duy trì đà tăng, tạo dư địa cho mở rộng tài khóa. Thu ngân sách 6T/2026 ước đạt 1.568 nghìn tỷ đồng (tăng 17,4% YoY, bằng 62% dự toán năm) nhờ xuất khẩu, sản xuất công nghiệp, tiêu dùng tăng tích cực trong khi vẫn duy trì các gói hỗ trợ về miễn giảm, gia hạn thuế, phí, tiền thuê đất (khoảng 100 nghìn tỷ đồng). Chi ngân sách ước đạt 1.149 nghìn tỷ đồng (tăng 0,1% YoY, đạt 36,4% dự toán) chủ yếu do đầu tư công còn chậm và chưa đồng đều.

Các khó khăn, thách thức:

(1) Rủi ro, thách thức từ bên ngoài gia tăng, khó lường: (i) rủi ro địa chính trị và cạnh tranh chiến lược thương mại - công nghệ gia tăng, khó đoán định; (ii) tăng trưởng chậm lại tại nhiều nền kinh tế lớn (như nêu trên), có ảnh hưởng đến thương mại, đầu tư, tiêu dùng và du lịch của Việt Nam; (iii) lạm phát toàn cầu tăng trở lại, làm gia tăng rủi ro nợ công và nợ tư, tăng áp lực lãi suất và tỷ giá; và (iv) các rủi ro an ninh phi truyền thống như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh mạng - dữ liệu, thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan.

(2) Một số động lực tăng trưởng truyền thống chưa tương xứng với tiềm năng, kỳ vọng: trong 6T/2026 nhập siêu hàng hóa lên đến 16,6 tỷ USD (cao nhất cùng kỳ 9 năm, chưa tính nhập siêu dịch vụ khoảng 5,54 tỷ USD), tạo áp lực nhất định lên tỷ giá và thị trường ngoại hối. Nguyên nhân chủ yếu do: (i) DN tăng nhập hàng để tích trữ nguyên liệu đầu vào trong bối cảnh rủi ro gia tăng, (ii) nhiều mặt hàng NK bị tăng giá (nhất là giá năng lượng, phân bón...); (iii) cấu trúc nền kinh tế và năng lực khối DN trong nước, khi XK vẫn chủ yếu dựa vào khối DN FDI. Tiêu dùng trong nước phục hồi nhưng chưa tương xứng với quy mô thị trường. Tổng mức bán lẻ HH&DV tăng thực 7,3% YoY, thấp hơn mức trước dịch Covid-19 (8,5% YoY); doanh thu du lịch lữ hành thấp hơn cùng kỳ năm 2025, cho thấy tác động kích cầu chưa đồng đều, trong khi người dân vẫn thận trọng chi tiêu trước áp lực giá cả và lạm phát.

(3) Lạm phát tăng, lãi suất phân hóa và còn neo cao: (i) Lạm phát đang tăng nhanh: CPI bình quân 6T/2026 tăng 4,38% YoY, cao nhất trong vòng 6 năm; lạm phát cơ bản bình quân 6T/2026 tăng 4,12% YoY, cao nhất từ đầu năm 2023; (ii) Mặt bằng lãi suất phân hóa theo ngành, lĩnh vực và chưa giảm nhanh do lãi suất quốc tế còn cao, thanh khoản hệ thống chưa thực sự dồi dào và chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng với huy động vốn còn lớn.

(4) Doanh nghiệp tăng trưởng chưa đồng đều và vẫn đối mặt với nhiều khó khăn: Số DN rút lui khỏi thị trường trong 6T/2026 vẫn ở mức cao (109,9 nghìn DN, +18% YoY); số DN giải thể tăng 95,1%. Một số ngành thâm dụng lao động, biên lợi nhuận thấp phục hồi chậm; IIP da giày chỉ tăng 4%, xuất khẩu dệt may tăng 0,9%, giày dép tăng 0,5%, thấp hơn đáng kể mức tăng xuất khẩu chung. Hiệu ứng lan tỏa tăng trưởng còn hạn chế khi tỷ lệ nội địa hóa mới khoảng 36,6%, cải thiện chậm, khiến DN trong nước khó tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và dễ tổn thương trước các yêu cầu về xuất xứ, chống lẩn tránh thương mại, chuyển đổi xanh - số và chuẩn quản trị hiện đại.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo là sản phẩm do Nhóm chuyên gia, nghiên cứu viên của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thực hiện. Các kết quả, giải thích và nhận định trong báo cáo không phản ánh quan điểm chính thức của BIDV.

BIDV không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc tính thời sự của dữ liệu được sử dụng trong báo cáo, không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tính thiếu nhất quán trong thông tin, dữ liệu, cũng như không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng thông tin, dữ liệu, phương pháp hoặc kết luận đưa ra trong báo cáo.

Không có nội dung nào trong báo cáo này được hiểu hoặc được coi là hạn chế hay từ bỏ các đặc quyền và miễn trừ của BIDV.

QUYỀN VÀ SỰ CHO PHÉP

Nội dung trong Báo cáo đều tuân theo quyền bản quyền. Nhằm mục đích khuyến khích việc phổ biến các kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, BIDV cho phép báo cáo này có thể được sao chép, toàn bộ hoặc một phần, cho mục đích phi thương mại. Tuy nhiên, mọi sao chép, trích dẫn từ Báo cáo cần được nêu đầy đủ nguồn gốc.

ĐẠI DIỆN NHÓM TÁC GIẢ

TS. Cấn Văn Lực

Chuyên gia Kinh tế trưởng BIDV
luccv@bidv.com.vn

Nguyễn Thị Minh Thu

Viện Trưởng Viện NCKT
thunm@bidv.com.vn

Phạm Thị Hạnh

Phó Viện Trưởng Viện NCKT
hanh.pt@bidv.com.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Viện nghiên cứu Kinh tế BIDV

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

773 Hồng Hà, Phường Hồng Hà, TP. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 0240.932.0933

Email: viennckt@bidv.com.vn